

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TMT23B4 Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MD003221 Học kỳ: 01
Tên MH/MĐ: Sửa chữa máy in
Số TC: 3

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024429	Nguyễn Văn Gia	Bảo	09/09/2008				7	7.0	7.5			6.0		6.5
2	2354801024430	Nguyễn Văn	Cảnh	06/03/2008				7	6.0	7.0			6.0		6.2
3	2354801024431	Cao Khánh	Duy	25/03/2008				8	7.5	8.0			7.0		7.3
4	2354801024435	Nguyễn Nhựt	Hanh	10/12/2006				8	8.0	8.5			8.5		8.4
5	2354801024436	Phạm Thanh	Hiên	06/06/2008				8	8.0	8.5			8.0		8.1
6	2354801024437	Trần Bảo	Huy	26/02/2008				8	6.0	7.0			6.0		6.3
7	2354801024438	Lương Văn	Khánh	23/11/2008				8	7.5	7.0			5.5		6.3
8	2354801024439	Võ Tuấn	Kiệt	14/08/2008				7	6.0	6.5			5.0		5.6
9	2354801024440	Trần Nguyễn Thiên	Kim	11/07/2008				7	7.0	6.5			10.0		8.7
10	2354801024442	Nguyễn Khánh	Linh	18/02/2008				7	6.5	7.5			7.5		7.3
11	2354801024443	Nguyễn Ngọc Cẩm	Ly	28/10/2008				5	5.5	5.0			5.5		5.4
12	2354801024444	Nguyễn Thị Kiều	My	01/11/2008				8	6.0	7.0			8.0		7.5
13	2354801024445	Nguyễn Hoài	Nam	13/09/2008				8	6.5	7.0			8.0		7.6
14	2354801024446	Lê Khánh	Ngọc	01/02/2008				5	5.0	5.5			5.0		5.1
15	2354801024447	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/09/2008				8	7.0	7.5			8.0		7.8
16	2354801024448	Võ Thị Thúy	Nhi	29/11/2008				5	5.0	5.5			5.5		5.4
17	2354801024449	Lê Bảo	Phát	03/09/2008				6	7.0	7.0			6.5		6.6
18	2354801024451	Đào Văn	Đoàn	06/10/2007				8	9.0	8.0			10.0		9.4
19	2354801024453	Nguyễn Bảo Kim	Thanh	04/05/2008				8	7.0	7.0			7.0		7.1
20	2354801024455	Nguyễn Minh	Thư	04/09/2008				5	5.5	5.0			5.0		5.1
21	2354801024457	Võ Thị Huyền	Trân	21/06/2008				8	6.0	7.0			6.0		6.3
22	2354801024458	Nguyễn Bảo	Trọng	13/10/2008				8	7.5	7.0			6.0		6.6
23	2354801024459	Thái Minh	Trung	29/01/2008				7	6.0	6.5			7.5		7.1
24	2354801024460	Lê Triệu	Vý	20/11/2008				8	6.5	7.5			6.0		6.5

Châu Đốc, ngày 31 tháng 12 năm 2024

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Trường Sanh